

Bản án số: 126/2022/DS - PT

Ngày: 07/7/2022

V/v “*Tranh chấp đòi tài sản và yêu cầu
bồi thường thiệt hại về tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cua

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp đòi tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS – ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 109/2022/QĐ – PT ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu E, sinh năm 1973,

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993,

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Chị Lê Kim H, sinh năm 1972,

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Hứa Thị Tuyết H, sinh năm 1987, (có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thị Thu E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu E trình bày:

Vào ngày 15/8/2013, bà Nguyễn Thị Thu E và bà Lê Kim H có lập Hợp đồng thuê nhà để bà H thuê của bà Thu E 01 quán ăn có diện tích 780 m² và trang thiết bị, tiện nghi trong nhà gồm có: bàn ghế, đồ dùng gia dụng, phòng karaoke và giàn karaoke. Mục đích thuê nhà để mua bán. Thời hạn thuê: 12 tháng tính từ ngày 15/8/2013 đến ngày 15/8/2014. Giá thuê là 3.000.000 đồng/01 tháng. Tổng số tiền thuê là 35.000.000 đồng (do bà Thu E bớt bà H 1.000.000 đồng).

Ngày 15/8/2014, bà Thu E và bà H tiếp tục lập Hợp đồng cho thuê nhà để thuê 01 quán tên là T, diện tích 738 m² và trang thiết bị, tiện nghi trong nhà gồm có: toàn bộ các vật dụng trong quán và phòng karaoke, bàn ghế, giàn karaoke. Mục đích thuê để mua bán. Thời hạn thuê: 12 tháng tính từ ngày 15/8/2014 đến ngày 15/8/2015. Giá thuê: 3.000.000 đồng/01 tháng. Tổng số tiền thuê: 36.000.000 đồng.

Ngày 15/8/2015, bà Thu E và bà H tiếp tục lập Hợp đồng cho thuê nhà với nội dung tài sản liên kế hợp đồng 02 năm đầu như đã nêu ở trên. Hợp đồng năm thứ ba tính như hai năm đầu tài sản đồ dùng trong quán. Thời hạn thuê: 12 tháng tính từ ngày 15/8/2015 đến ngày 15/8/2016. Giá thuê: 3.500.000 đồng/01 tháng. Tổng số tiền thuê: 42.000.000 đồng.

Vì nghĩ tình quen biết và cũng vì bà H luôn thực hiện đúng theo hợp đồng, nên những năm sau đó bà Thu E vẫn cho bà H thuê hàng năm mà không có lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận miệng. Thời hạn thuê vẫn là ngày 15/8 hàng năm và kết thúc là ngày 15/8 năm sau. Số tiền thuê mỗi năm là 42.000.000 đồng. Đến ngày 15/8/2020, bà H không thuê nữa.

Tại các hợp đồng được lập vào các năm 2013, 2014, 2015 đều không thể hiện rõ kết cấu của gian nhà cho thuê và phòng karaoke. Tuy nhiên, tại thời điểm cho thuê thì kết cấu gian nhà là cột gỗ, mái lá, nền lát gạch bông, diện tích 33 m²; phòng karaoke có kết cấu nền lát gạch ceramit, đóng la phong, có 01 cửa ra vào (cửa sắt), diện tích 10 m². Về phần tài sản cho thuê kèm theo, bà Thu E và bà H có lập thành Tờ hợp đồng cho thuê quán và đồ dùng trong quán. Nguồn gốc của gian nhà, phòng karaoke, đồ dùng trong quán là do trước kia bà Thu E có kinh doanh trong lĩnh vực này nên có sẵn, không phải là đồ mới xây dựng và mua sắm.

Mặc dù hợp đồng thuê đã kết thúc từ ngày 15/8/2020 nhưng bà Thu E vẫn để cho bà H ở lại thu xếp đồ đạc và sửa sang lại quán đúng như thỏa thuận trong hợp đồng mà không có thu thêm tiền. Đến ngày 10/11/2020, bà H rời khỏi quán. Tuy nhiên, khi bà Thu E kiểm tra quán thì mới phát hiện đồ đạc trong quán đã bị hư hỏng khá nặng nề.

Những tài sản bị mất bao gồm: 02 kết bia Sài Gòn (500.000 đồng), 02 kết bia Heineken (250.000 đồng), 02 kết nước ngọt (150.000 đồng), 04 thùng nước suối (40.000 đồng), 01 bếp gas khèn (1.100.000 đồng), 01 bếp gas (1.200.000 đồng), 01 nồi hấp gà (300.000 đồng), 03 nồi lớn nấu thịt (300.000 đồng), 02 chảo (150.000 đồng), 01 giá inox (80.000 đồng), 04 cái rổ mũ đựng chén (200.000 đồng), 05 cái thau (200.000 đồng), 01 cái rổ đựng rau (30.000 đồng), 01 cái tô trắng đá (50.000 đồng), 04 rổ đựng nước tương (50.000 đồng), 01 Moteur cá (200.000 đồng), 08 bếp lẩu (400.000 đồng), 09 nồi lẩu (450.000 đồng), 05 đĩa nhôm (250.000 đồng), 07 phích nước đá (140.000 đồng), 06 xô đựng nước đá (300.000 đồng), 05 vỉ nhỏ nướng (150.000 đồng), 01 mâm đựng đồ (50.000 đồng), 16 đĩa bàn lớn (450.000 đồng), 10 đĩa lớn trắng (300.000 đồng), 06 đĩa trung trắng (120.000 đồng), 07 giá mức lẩu (35.000 đồng), 50 đôi đũa (100.000 đồng), 17 ly đá (300.000 đồng), 20 ly uống rượu (40.000 đồng), 100 chén (1.000.000 đồng), 15 đĩa đựng đậu phộng (75.000 đồng), 10 cái muỗng (20.000 đồng), 20 đĩa meca (160.000 đồng), 03 tô tượng (150.000 đồng), 06 dao (120.000 đồng), 02 thùng kiếng (1.200.000 đồng), 01 tủ kiếng đựng ly chén (1.200.000 đồng), 05 bàn tròn đá (15.000.000 đồng), 03 bàn tròn cây (600.000 đồng), 90 ghế mũ (300.000 đồng), 01 quạt bàn (150.000 đồng), 02 quạt mini (150.000 đồng), 01 bộ salon (15.000.000 đồng), 12 quạt treo (1.440.000 đồng), 01 Moteur bơm nước (1.500.000 đồng), 02 thao và mâm (100.000 đồng). Tổng giá trị tài sản cho thuê bị mất là 45.750.000 đồng.

Ngoài ra, bà H còn làm hư hại các tài sản của bà Thu E bao gồm: 01 phòng karaoke có kết cấu vách tường, máy tole, nền lát gạch bông, chi phí sửa chữa, phục hồi là 10.000.000 đồng; 01 gian nhà có kết cấu cột gỗ, máy tole, nền lát gạch bông, chi phí sửa chữa, phục hồi là 100.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Thu E khởi kiện yêu cầu bà Lê Kim H phải trả cho bà Thu E tổng số tiền là 155.750.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trong đó: Giá trị tài sản bị mất (tài sản do chị Thu E cho chị H thuê) là 45.750.000 đồng; bồi thường thiệt hại của 01 phòng karaoke là 10.000.000 đồng và 01 gian nhà là 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh Hoài thay đổi yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2021. Anh Hoài rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền

105.331.000 đồng và giá trị của 10 bàn tròn đá, anh yêu cầu bà Lê Kim H phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu E tổng số tiền là 50.419.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trong đó: Giá trị tài sản bị mất (tài sản do chị Thu E cho chị H thuê) tính theo giá của Hội đồng định giá là 1.760.000 đồng; bồi thường thiệt hại của 01 phòng karaoke là 6.000.000 đồng và 01 gian nhà là 42.659.000 đồng (theo kết quả định giá bao gồm: phần nền gạch ceramit giá trị 487.000 đồng, nền gạch tàu bong tróc giá trị 3.201.000 đồng, giá trị toàn nhà theo mô tả 38.971.000 đồng). Lý do bà Thu E yêu cầu bà H bồi thường là do trong quá trình sử dụng bà H không tu bổ và một phần là do hao mòn tự nhiên nên tài sản bị hư hao, không phải do bà H tác động lên những tài sản này gây ra thiệt hại.

Nguyên đơn đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không có ý kiến gì khác.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Kim H trình bày:

Vào ngày 15/8/2013, bà và bà Nguyễn Thị Thu E do là chỗ bạn bè quen biết nên có làm hợp đồng thuê một phần đất diện tích 780 m² tại ấp P1, xã P, huyện M để làm quán kinh doanh ăn uống. Do trước đó bà Thu E cũng có kinh doanh trong lĩnh vực này nên bà Thu E có những tài sản như chén, bát, xoong, nồi, bàn, ghế để phục vụ cho việc kinh doanh nên bà và bà Thu E cũng có lập thêm một văn bản để thuê quán và đồ dùng trong quán cùng trong năm 2013. Bà có ký tên vào hợp đồng cho thuê nhà và đồ dùng trong quán. Mỗi năm bà và bà Thu E đều làm lại hợp đồng thuê quán nhưng có lập hợp đồng từng năm hay không thì bà không nhớ rõ. Khi làm hợp đồng thuê không có thỏa thuận về việc khi nào chấm dứt hợp đồng và cũng không có thỏa thuận về việc trả lại tài sản thuê như thế nào. Vào khoảng tháng 5/2020, bà có báo cho bà Thu E về việc bà muốn chấm dứt hợp đồng thuê và yêu cầu bà Thu E về để giải quyết phần tài sản thuê thì bà Thu E không về và nói bà cứ bàn giao tài sản đã thuê là chén, bát, xoong, nồi, bàn, ghế... cho chủ thuê sau là chị H (bà không biết rõ họ và tên). Bà đã làm theo lời của bà Thu E là bàn giao các vật dụng còn lại của quán cho chủ thuê sau nhưng bà không có lập biên bản giao những tài sản là gì. Nay bà Thu E yêu cầu bồi thường tài sản thuê thì bà cũng đồng ý bồi thường theo giá Hội đồng định giá đã định giá (giá tài sản đã hết giá trị sử dụng).

Đối với căn phòng karaoke bà Thu E yêu cầu bà bồi thường 10.000.000 đồng bà không đồng ý. Do trước đây khi thuê lại mặt bằng này, căn phòng karaoke của bà Thu E không đủ điều kiện diện tích tiêu chuẩn nên bà phải đập vách tường, nới rộng phòng, đóng la phong mới kinh doanh được. Chi phí này khoảng 25.000.000 đồng. Ngoài ra, bà còn xây dựng thêm 01 phòng karaoke mới đủ chuẩn với chi phí trên 50.000.000 đồng. Khi xây dựng phòng này bà có nói với bà Thu E, bà Thu E cũng đồng ý và có hứa sẽ hỗ trợ bà một nửa chi phí xây dựng nhưng bà

Thu E chỉ đưa bà 6.000.000 đồng. khi bà bàn giao lại cho bà H (chủ thuê mới) thì cả hai phòng karaoke đều không có hư hỏng, các cửa ra vào vẫn hoạt động bình thường. Đối với gian nhà bà Thu E yêu cầu bà bồi thường thì bà không đồng ý. Khi thuê phần tài sản này có kết cấu cột gỗ, mái lá nền gạch tàu và hiện nay vẫn còn như cũ. Riêng tại phần này bà có làm 01 căn phòng, bà lót gạch, dán gạch, đóng la phòng để bà làm phòng nghỉ ngơi. Bà không yêu cầu gì về căn phòng này.

Bà đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản và không có ý kiến gì khác.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hứa Thị Tuyết H trình bày:

Vào khoảng cuối năm 2020, chị có thuê quán của bà Nguyễn Thị Thu E để kinh doanh quán nhậu và phòng karaoke. Theo chị được biết, trước chị thì có bà Lê Kim H đã thuê quán này. Khi chị thuê chị có nhận từ bà H 10 cái bàn đá, 40 cái ghế nhựa. Ngoài ra, chị không nhận gì khác từ bà H. Khi nhận giữa chị và bà H không có lập biên bản. Chị thuê quán của bà Thu E nên tranh chấp giữa bà Thu E và bà H chị không có liên quan, bà Thu E và bà H tự giải quyết. Vì lý do không có liên quan đến vụ án và bận buôn bán nên chị xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án. Chị xin bảo lưu toàn bộ nội dung đã trình bày và cam đoan không khiếu nại gì về sau.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS – ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu E về việc yêu cầu bà Lê Kim H có nghĩa vụ trả và bồi thường số tiền 105.331.000 (một trăm lẻ năm triệu ba trăm ba mươi một nghìn) đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu E.

Buộc bà Lê Kim H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu E giá trị của các đồ dùng, vật dụng cho thuê với số tiền 1.760.000 (một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/3/2022 bà Nguyễn Thị Thu E kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà E vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng là bà E đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2022/DS – ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và bà H không có kháng cáo nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định khoản 3 tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà Nguyễn Thị Thu E và bà Lê Kim H thống nhất từ ngày 15/8/2013 đến ngày 15/8/2020 bà H có thuê của bà Thu E 01 quán ăn tọa lạc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 8, tại ấp P1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, mục đích thuê để kinh doanh mua bán nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu bồi thường giá trị các tài sản, đồ dùng bà Nguyễn Thị Thu E cho bà Lê Kim H thuê. Bà H cũng đồng ý trả cho bà Thu E số tiền 1.760.000 đồng và phần này của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bà Thu E về việc yêu cầu bà H bồi thường thiệt hại của gian nhà là 42.659.000 đồng và phòng karaoke là 6.000.000 đồng:

Xét thấy, căn cứ theo quy định tại Điều 487 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ bảo quản tài sản thuê thì bên thuê phải bảo quản tài sản thuê như tài sản của chính mình, phải bảo dưỡng và sửa chữa

nhỏ; nếu làm mất mát, hư hỏng thì phải bồi thường. Bên thuê không chịu trách nhiệm về những hao mòn tự nhiên do sử dụng tài sản thuê. Bên thuê có thể tu sửa và làm tăng giá trị tài sản thuê, nếu được bên cho thuê đồng ý và có quyền yêu cầu bên cho thuê thanh toán chi phí hợp lý. Theo quy định tại Điều 488 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 480 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ sử dụng tài sản thuê đúng công dụng, mục đích thì bên thuê phải sử dụng tài sản thuê đúng công dụng của tài sản và đúng mục đích đã thỏa thuận. Tại các hợp đồng thuê có nội dung bà H thuê nhà, phòng karaoke và vật dụng của bà Thu E nhằm mục đích kinh doanh dịch vụ ăn uống, karaoke và bà H đã sử dụng đúng mục đích thuê theo hợp đồng đã ký kết. Ngoài ra, khi bà H sửa chữa, tu bổ phòng karaoke có thông báo cho bà Thu E biết và bà Thu E có hỗ trợ số tiền 6.000.000 đồng. Khi hai bên ký hợp đồng thuê, hợp đồng thuê không ghi rõ kết cấu, chất lượng, hiện trạng của tài sản thuê như thế nào. Bà H cho rằng khi thuê gian nhà có kết cấu cột gỗ, mái lá nền gạch tàu là phù hợp với lời trình bày của người làm chứng và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/12/2021. Vì vậy, việc gian nhà bị giảm giá trị sử dụng là do hao mòn tự nhiên trong quá trình sử dụng, không phải lỗi của bà H nên bà H không phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 487, 490 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 479, 480 Bộ luật dân sự năm 2015. Ngoài ra, theo Điều 4 của hợp đồng cho thuê nhà có thỏa thuận trách nhiệm bên cho thuê nhà là: “Giao nhà và tranh thiết bị cho bên thuê đúng ngày hợp đồng có giá trị. Bảo đảm quyền sử dụng trọn vẹn và riêng rẽ của bên thuê nhà. Sửa chữa kịp thời những hư hỏng. Phải bồi thường thiệt hại về vật chất và sức khỏe gây ra cho bên thuê nhà khi sụp đổ không sửa chữa kịp thời. Hướng dẫn bên thuê thực hiện đúng những qui định của Nhà nước về tạm trú, tạm vắng”. Do đó, việc nhà cho thuê có hư hỏng thì trách nhiệm sửa chữa là của bên cho thuê, không phải bên thuê. Bà Thu E kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà H là người gây ra thiệt hại cho bà nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Thu E phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu E

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS – ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 472, 479, 480, 482 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu E về việc yêu cầu bà Lê Kim H có nghĩa vụ trả và bồi thường số tiền 105.331.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu E.

Buộc bà Lê Kim H phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu E giá trị của các đồ dùng, vật dụng cho thuê với số tiền 1.760.000 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Chi phí do đặc, định giá: Bà Nguyễn Thị Thu E, bà Lê Kim H, mỗi người phải chịu số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng). Do bà Nguyễn Thị Thu E đã tạm nộp xong nên buộc bà Lê Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Thu E số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Kim H phải chịu án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thu E chịu án phí là 2.433.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.894.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007556 ngày 02/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Hoàn trả cho bà Thu E số tiền 1.461.000 đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu E phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005051 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Kim Cửa